

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số mức hỗ trợ để thực hiện Chương trình Bố trí dân cư
giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt
khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025,
định hướng đến 2030; Công văn số 5668/BNV-KTHT ngày 29 tháng 8 năm 2022
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn triển khai thực hiện
Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm
2022 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số mức
hỗ trợ để thực hiện Chương trình Bố trí dân cư giai đoạn 2021-2025 định hướng
đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân
sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp thu, giải trình ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu,
thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ cho một số nội dung để thực hiện Chương
trình bố trí ổn định dân cư tại các vùng: Thiên tai (sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ

quét, ngập lụt, nước dâng); đặc biệt khó khăn (thiếu đất, thiếu nước sản xuất, nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; ô nhiễm môi trường; các làng chài trên sông nước); biên giới; vùng dân di cư tự do đến đời sống quá khó khăn và khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét.

- Hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

- Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; các làng chài trên sông nước, ô nhiễm môi trường.

- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền.

- Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn trong tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng theo Nghị quyết này không bao gồm phạm vi, đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình, cá nhân thực hiện bố trí, ổn định dân cư theo hình thức tập trung, xen ghép thuộc đối tượng của Chương trình, bao gồm: Di chuyển người và tài sản; lương thực:

a) Hỗ trợ di chuyển người và tài sản

- Hộ gia đình bị mất nhà ở, đất ở do thiên tai; hộ gia đình ở vùng có nguy cơ thiên tai; hộ gia đình ở vùng đặc biệt khó khăn; hộ gia đình, đã di cư tự do đến các địa bàn trong tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình, sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài: Di chuyển trong huyện mức hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ; di chuyển trong tỉnh mức hỗ trợ 23 triệu đồng/hộ; di chuyển ngoài tỉnh mức hỗ trợ 25 triệu đồng/hộ.

- Hộ gia đình được bố trí ổn định ở các xã biên giới đất liền: Di chuyển đến thôn, làng giáp biên giới (bao gồm di chuyển từ các xã trong huyện, từ các huyện trong tỉnh đến thôn, làng giáp biên giới), mức hỗ trợ là 35 triệu đồng/hộ; đến thôn, làng khác (không giáp biên giới: bao gồm di chuyển từ các xã trong huyện, từ các

huyện trong tỉnh đến thôn, làng không giáp biên giới), mức hỗ trợ là 30 triệu đồng/hộ.

- Hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức tối thiểu 30 triệu đồng/hộ.

b) Hỗ trợ lương thực trong thời gian đầu tại nơi tái định cư là 15kg gạo/người/tháng, thời gian hỗ trợ không quá 12 tháng.

2. Hỗ trợ ổn định dân cư tại chỗ: Hộ gia đình ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ được hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ để nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai khác.

Điều 3. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ thứ 5 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Kon Tum;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Dương Văn Trang